

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Hằng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nhớ; Ông Phạm Thuận.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 07.3.2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 285/27 đường D, quận K, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số K368/31 đường V, tổ 37 phường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X như sau:

Bà và ông Trần Ngọc T xây dựng gia đình vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn vợ chồng khoảng 12 năm và sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và gây gổ nhau, bà đã cố gắng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 27.9.2001. Ly hôn, quá trình tố tụng bà có nguyện vọng giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tại phiên tòa bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Trần Ngọc T, mặc dù đã được Tòa án làm các thủ tục triệu tập hợp lệ đến để giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng

mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị X đối với ông Trần Ngọc T; Xử cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X giao con chung Trần Ngọc N, sinh ngày 27.9.2001 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà X xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Ngọc T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Ngọc T xây dựng gia đình vào năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 20.9.2001 (Số 91/Quyển số 1) tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo lời trình bày của bà X thì thời gian mâu thuẫn vợ chồng khoảng 12 năm nay, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Kể từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông Trần Ngọc T. Đối với ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà X, điều đó thể hiện ông không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà X và ông T có 01 người con Trần Ngọc N, sinh ngày 27.9.2001. Quá trình tố tụng bà có nguyện vọng giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tại phiên tòa bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của bà X thì thấy: Hiện nay cháu N đang ở với bà X, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con, đồng thời nguyện vọng của cháu được ở với mẹ nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bà X không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không có, ông T không có ý kiến gì nên không đề cập đến.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Trần Ngọc T.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc N, sinh ngày 27.9.2001 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định không có, ông T không có ý kiến gì nên không đề cập đến.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà X phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 4564 ngày 6.3.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà X đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Hằng

